

Bản án số: 17/2020/HS-ST
Ngày 27-4-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Đông và ông Vũ Đình Mạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị May - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 05/2020/TLST-HS ngày 08 tháng 01 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2020/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 02 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2020/HSST-QĐ ngày 10/3/2020; Thông báo mở lại phiên tòa số 01/TB-TA ngày 27/3/2020; Thông báo về việc thay đổi lịch phiên tòa số 01/2020/TB-TA ngày 06/4/2020; Thông báo mở lại phiên tòa số 02/TB-TA ngày 16/4/2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn L, sinh năm 1973 tại xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú: thôn S, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 8/10; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn A (đã chết) và bà Nhữ Thị B; Vợ là Nguyễn Thị C và 03 con; Tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Anh Vũ Văn S, sinh năm 1985; Nơi cư trú: thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương; Vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1979; Nơi cư trú: thôn S, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương; Vắng mặt.

Người làm chứng:

- Anh Phan Thanh L, sinh năm 1986; Nơi cư trú: thôn K, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương; Vắng mặt.

- Anh Đào Đình Q, sinh năm 1985; Nơi cư trú: thôn P, xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn L và vợ là Nguyễn Thị C có thửa đất diện tích 45m² tại thôn S, xã T, huyện B. Tháng 11/2017, vợ chồng L đã chuyển nhượng cho anh Vũ Công H, anh H là bạn của L. Do không có nhu cầu sử dụng nên sau khi nhận chuyển nhượng, anh H đã cho vợ chồng L ở nhờ trên thửa đất đó. Ngày 18/12/2017, UBND huyện Bình Giang đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất nêu trên cho anh H.

Đầu tháng 11/2018, L đặt vấn đề vay anh Vũ Văn S ở thôn N, xã T, huyện B số tiền 300.000.000 đồng, anh S đồng ý và yêu cầu L phải có tài sản hoặc giấy tờ thế chấp. Khoảng giữa tháng 11/2018, L dùng điện thoại di động của mình không lắp sim đăng nhập vào địa chỉ facebook mang tên “nguyenlu” (hiện L không nhớ mật khẩu truy cập) thì thấy có trang web quảng cáo có thể làm giả giấy tờ nên L nảy sinh ý định làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thế chấp vay tiền anh S. L đã vào trang web đặt làm giả một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đồng thời dùng điện thoại chụp ảnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh Vũ Công H (trước đây L đã xin anh Phạm Văn T là cán bộ địa chính xã T một bản phô tô giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh H để hỏi thủ tục vay tiền tại ngân hàng) và cung cấp các thông tin cá nhân của vợ chồng L gửi qua Messenger cho đối tượng mà L đã đặt làm giả trước đó, đồng thời thỏa thuận giá là 12.000.000 đồng. Khoảng 1 tuần sau L được một người (không xác định được là ai, ở đâu) đến giao cho L 01 gói hàng, L kiểm tra thấy có 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất giả mang tên Nguyễn Văn L và Nguyễn Thị C có số hiệu CI942915 đề ngày 10/8/2018, nội dung giấy chứng nhận thể hiện vợ chồng L sở hữu mảnh đất thuộc thửa số 443, tờ bản đồ số 09, có diện tích 76,5m² tại thôn S, xã T, có hình dấu của UBND huyện Bình Giang, hình chữ ký của ông Nguyễn Trung K - Chủ tịch UBND huyện. Sau khi đối chiếu thấy đúng là Giấy chứng nhận giả đã đặt trước đó, L đưa cho người giao hàng số tiền 12.000.000 đồng như đã thỏa thuận.

Ngày 29/11/2018 L đến gặp và đưa cho anh S giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả nêu trên, anh S đồng ý cho L vay 300.000.000 đồng (lãi suất 500 đồng/01 triệu/01 ngày - tương ứng với lãi xuất 18%/năm) nhưng yêu cầu L và vợ là Nguyễn Thị C phải ký Giấy thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và giao nhận tiền đặt cọc (với các thông tin về mảnh đất có diện tích và thông tin do L đặt mua trên mạng), nội dung thể hiện: L và chị C chuyển nhượng cho anh Vũ Văn S mảnh đất nêu trên với giá 1.000.000.000 đồng, anh S thỏa thuận đặt cọc cho L trước số tiền 300.000.000 đồng, số còn lại 700.000.000 đồng anh S sẽ thanh toán

ngay sau khi hoàn thành thủ tục công chứng, thời hạn thực hiện hợp đồng là 01 năm kể từ ngày ký, kèm theo là các điều khoản thực hiện giao dịch. Sau khi viết xong giấy tờ, L và anh S đều ký, điểm chỉ vào phần bên A và bên B, sau đó L đưa anh S về nhà mình và bảo vợ là chị C ký, điểm chỉ vào phần dưới chữ ký của L trong Giấy thỏa thuận và nói với chị C là để L đi vay tiền, chị C không đọc nội dung mà chỉ ký, điểm chỉ theo yêu cầu của L. Sau khi L và anh S, chị C ký xong giấy tờ, L và anh S đi về nhà anh S ở xã T. Tại đây có anh Phan Thanh L và anh Đào Đình Q là bạn của anh S, anh S đã bảo anh L và anh Q ký vào phần người làm chứng trong Giấy thỏa thuận.

Sau khi hoàn tất việc ký kết anh S đưa trước cho L số tiền 200.000.000 đồng và yêu cầu L viết giấy biên nhận vay tiền, số còn lại 100.000.000 đồng khi nào công chứng xong Giấy thỏa thuận thì đưa tiếp. Sau đó đến khoảng tháng 12/2018 và tháng 02/2019 anh S đưa tiếp cho L vay thêm 2 lần với tổng số tiền 68.000.000 đồng. Tổng cộng anh S đã cho L vay 268.000.000 đồng. Khoảng tháng 01/2019 L đã trả cho anh S số tiền lãi là 12.000.000 đồng (lãi suất tính từ ngày 29/11/2018 đến tháng 4/2019 của số tiền 200.000.000 đồng). Sau khi cho L vay số tiền trên, anh S yêu cầu L đi công chứng Giấy thỏa thuận nhưng L không đi, đến ngày 26/4/2019 anh S cầm Giấy chứng nhận đến Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất để kiểm tra và hỏi về thủ tục công chứng thì phát hiện Giấy chứng nhận L đưa cho anh S là giả nên trình báo Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Giang. Ngày 04/9/2019 L đã trả cho anh S toàn bộ số tiền 268.000.000 đồng.

Kết luận giám định số 54/KLGD ngày 28/5/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương kết luận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI942915 đề ngày 10/8/2018 mang tên Nguyễn Văn L và Nguyễn Thị C là giả - giả phôi, hình dấu và chữ ký.

Tại bản Cáo trạng số: 07/CT-VKS ngày 08-01-2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang truy tố bị cáo Nguyễn Văn L về tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức, quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, xác định VKSND huyện Bình Giang truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như bản Cáo trạng đã nêu là có căn cứ. Đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, cải tạo thành công dân tốt.

- Đại diện VKSND huyện Bình Giang giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 (đối với cả hai tội); Điều 38; Điều 55; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự. Điểm a khoản 2 Điều 106; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L phạm hai tội: tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ*

chức”; tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L từ 06 đến 09 tháng tù về tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; từ 06 đến 09 tháng tù về tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn Văn L phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là từ 12 đến 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng số IC579C-E2380A (không lắp sim). Buộc bị cáo Nguyễn Văn L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng tháng 11/2018, Nguyễn Văn L sử dụng tài khoản facebook mang tên "NguyenLu", cung cấp các thông tin cá nhân, đặt mua của đối tượng không rõ nhân thân, lai lịch một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả mang tên Nguyễn Văn L và Nguyễn Thị C, số hiệu CI942915 đề ngày 10/8/2018 có nội dung Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị C sở hữu mảnh đất thuộc thửa số 443, tờ bản đồ số 09, có diện tích 76,5m² tại thôn S, xã T, huyện B, có hình dấu của UBND huyện Bình Giang, hình chữ ký của ông Nguyễn Trung K - Chủ tịch UBND huyện, với giá 12.000.000 đồng. Sau đó L đã sử dụng để vay của anh Vũ Văn S 268.000.000 đồng.

[3] Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Mặc dù không có ý thức chiếm đoạt nhưng để vay được tiền của anh Vũ Văn S, bị cáo đã thực hiện hành vi đăng nhập vào tài khoản facebook đặt mua của đối tượng không rõ nhân thân, lai lịch một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, cung cấp thông tin cá nhân, gửi hình ảnh bản phô tô giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm mẫu, sau đó sử dụng để vay của anh Vũ Văn S số tiền 268.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính nhà nước về quản lý tài liệu. Bị cáo thực hiện với lỗi cố ý nên hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành hai tội đó là: tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức, quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật như tại Bản Cáo trạng số 07/CT-VKS ngày 08-01-2020 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng: Bị cáo là người có nhân thân tốt. Không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; bố để bị cáo là người có công với nước được Nhà nước tặng thưởng huân chương nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với cả hai tội.

[5] Căn cứ vào quy định của BLHS, cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải buộc bị cáo cách ly xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục riêng đối với bị cáo và đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Ngày 04/9/2019 bị cáo L đã trả cho anh S toàn bộ số tiền 268.000.000 đồng là tiền L vay của anh S, anh S đã nhận đủ và không yêu cầu gì nên trách nhiệm dân sự đã được giải quyết xong.

[8] Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng số IC579C-E2380A (không lắp sim), đây là công cụ, phương tiện bị cáo L dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Văn L và Nguyễn Thị C, số hiệu CI942915 đề ngày 10/8/2018 là tài liệu giả, do Cơ quan điều tra thu giữ. Đây là tài liệu, chứng cứ của vụ án, cần được tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đối với anh Vũ Văn S cho bị cáo L vay tiền có thu tiền lãi với mức lãi suất tương ứng với 18%/năm, anh S không có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định, hành vi của anh S chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, ngày 20/12/2019 Công an huyện Bình Giang đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với anh S là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với chị Nguyễn Thị C ký vào "Giấy thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và giao nhận tiền đặt cọc", anh Phạm Văn T cho bị cáo L bản phô tô giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Vũ Công H nhưng chị C và anh T không biết L sử dụng vào việc phạm tội nên không có căn cứ xử lý.

Đối với người trực tiếp làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho bị cáo L, quá trình điều tra không xác định được là ai, ở đâu nên không có căn cứ xử lý.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 341; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 (đối với cả hai tội); Điều 38; Điều 55; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự. Điểm a khoản 2 Điều 106; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”; tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

2. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn L 06 (sáu) tháng tù về tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; 07 (bảy) tháng tù về tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn Văn L phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 13 (mười ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Xử lý vật chứng: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng số IC579C-E2380A (không lắp sim).

(Đặc điểm, tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Giang và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Giang).

4. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- VSKND huyện Bình Giang;
- CCTHADS huyện Bình Giang;
- CQ THAHS huyện Bình Giang;
- Bị cáo;
- Người có QLVNQLQ đến vụ án;
- Lưu HS; Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thanh Nam